

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 8 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hương và ông Nguyễn Đức Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1984, số định danh cá nhân: 035184002982; nơi thường trú: thôn M, xã L, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: Số 69002 Breclav Breclav, Cộng hòa Séc; người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng: chị Vương Thị Lan A, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng; đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh Ngô Quốc V, sinh năm 1983, số định danh cá nhân: 035083007612; nơi cư trú: thôn M, xã L, tỉnh Ninh Bình; đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2026 và Bản tự khai ngày 30/01/2026, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:*

Ngày 16/01/2009, chị và anh Ngô Quốc V trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, đã đăng ký kết hôn hợp pháp, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi kết hôn, chị và anh V chung sống tại Xóm B, thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (cũ). Ban đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng càng về sau vợ chồng càng

phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, chủ yếu những mâu thuẫn liên quan đến lối sống, suy nghĩ. Sau đó, chị đã đi lao động tại Cộng hòa Séc vừ vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Vì xa mặt cách lòng và không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất đồng về quan điểm, cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau, suy nghĩ hai bên không hòa hợp. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đời sống hôn nhân của vợ chồng rơi vào trạng thái bế tắc, không có điểm chung để hàn gắn. Mặc dù vợ chồng và hai bên gia đình đã rất nhiều lần cố gắng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, con cái. Thậm chí, gia đình hai bên đã nhiều lần can thiệp giúp vợ chồng hàn gắn cuộc hôn nhân nhưng bản thân chị xét thấy cuộc hôn nhân này không thể cứu vãn được nữa. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V theo quy định pháp luật.

- Về con chung: trong quá trình chung sống hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Bảo A1, sinh ngày 23/10/2009. Hiện nay cháu Bảo A1 đang sinh sống và học tập cùng chị tại Cộng hòa Séc. Nay vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Bảo A1 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị chấp nhận nộp tạm ứng án phí, án phí theo Thông báo của Tòa án.

- Do hiện nay chị đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài nên không thể thu xếp thời gian đến Tòa án theo yêu cầu của Tòa án. Chị đề nghị được vắng mặt toàn bộ trong các buổi làm việc, phiên họp và phiên xét xử.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/6/2026, bị đơn là anh Ngô Quốc V trình bày:*

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã L, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ của anh tại thôn M. Quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Nhưng đến năm 2010, chị T đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Séc. Trong thời gian chị T đi xuất khẩu lao động, do khoảng cách về địa lý và nhiều vấn đề dẫn đến vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Và cũng trong khoảng thời gian này, anh đã bị tai nạn giao thông phải điều trị một thời gian dài, chị T tỏ ra chán nản và không quay về chung sống với anh nữa. Đến nay, chị T có đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh cũng nhất trí ly hôn với chị T

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Bảo A1, sinh ngày 23/10/2009, hiện nay cháu đang ở với chị T; nên khi ly hôn, anh cũng nhất trí giao cháu Bảo A1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ: vợ chồng không có gì, nên anh không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi bị tai nạn, việc đi lại của anh gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa.

** Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con ngày 30/01/2026, cháu Ngô Bảo A1 trình bày:* cháu là con của bố Ngô Quốc V và mẹ là Nguyễn Thị Hồng T. Từ trước đến nay, cháu luôn ở với mẹ cháu (Nguyễn Thị Hồng T) tại Cộng hòa Séc. Hiện tại cháu cũng đang sinh sống, học tập ổn định tại Cộng hòa Séc cùng với mẹ, nên cháu mong muốn tiếp tục được ở với mẹ đến khi cháu đủ 18 tuổi.

** Xác minh tại UBND xã L xác định:* chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã L, tỉnh Ninh Bình) ngày 16/01/2009. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh V tại thôn M, xã L, tỉnh Ninh Bình. Anh chị chung sống được một thời gian, sau đó chị T đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Séc, còn anh V vẫn sinh sống tại địa phương và cũng làm thủ tục đi xuất khẩu sang Cộng hòa Séc cùng với chị T. Trong thời gian anh V làm thủ tục và chờ đi xuất khẩu lao động, thì anh V bị tai nạn, nên không đi xuất khẩu lao động được. Trong thời gian vợ chồng anh chị chung sống tại địa phương, thì địa phương không thấy anh chị có mâu thuẫn gì. Từ khi chị T đi xuất khẩu lao động đến nay, địa phương không thấy chị T quay lại sinh sống cùng anh V nữa. Do anh chị không qua thủ tục hòa giải tại địa phương, nên địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng anh chị.

**** Tại phiên tòa:***

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao - đề nghị Hội đồng xét xử: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Ngô Bảo A1 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Ngô Quốc V không phải cấp dưỡng cho con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm: đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Ngô Quốc V cư trú tại thôn M, xã L, tỉnh Ninh Bình; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V là tự nguyện, có đăng ký kết hôn; nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn. Sau đó, chị T đã đi lao động tại Cộng hòa Séc. Do xa cách và không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù vợ chồng và hai bên gia đình đã cố gắng hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ khi chị T đi lao động tại Cộng hòa Séc và không còn liên lạc với nhau khoảng 10 năm nay. Nay, chị T xin ly hôn, bản thân anh V cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T và anh V thuận T1 ly hôn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V có 01 con chung là Ngô Bảo A1, sinh ngày 23/10/2009; hiện nay cháu Bảo A1 đang sinh sống cùng với chị T tại Cộng hòa Séc. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo A1, anh V cũng nhất trí giao cháu Bảo A1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Bản thân cháu Bảo A1 có nguyện vọng được ở với chị T. Xét thấy, việc chị T và anh V thỏa thuận nuôi con là phù hợp với thực tế, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị. Về cấp dưỡng cho con: do chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: do chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V thuận tình ly hôn, nên mỗi bên phải chịu 50% mức án phí theo quy định của pháp luật (mỗi người phải nộp 75.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V.

2. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V. Giao cháu Ngô Bảo A1, sinh ngày 23/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Bảo A1 đủ 18 tuổi; anh Ngô Quốc V1 không phải cấp dưỡng cho con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 75.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 3009, ngày 14 tháng 4 năm 2026; trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T 225.000 đồng. Anh Ngô Quốc V phải nộp 75.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Ngô Quốc V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lại Xuân Cảnh